

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54 /2012/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BGTVT ngày 19/4/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Hà Tĩnh tại Văn bản số 1835 /SGTVT-QLGT ngày 27/ 7 /2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế: Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo, Vũng Áng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Website Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ GTVT;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, GT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự

QUY ĐỊNH

**Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 của
Ủy ban Nhân dân tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương; nguồn vốn phục vụ cho công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên hệ thống đường bộ địa phương (gồm: đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và đường chuyên dùng).

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cơ quan, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống đường bộ địa phương.

3. Đối với những nội dung không được đề cập trong quy chế này, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính Phủ; Thông tư số 10/2010/TT-BGTVT ngày 19/4/2010, Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải và các văn bản liên quan.

Điều 2. Yêu cầu công tác quản lý và bảo trì hệ thống đường bộ

Áp dụng theo Điều 4, Thông tư số 10/2010/TT-BGTVT ngày 19/4/2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý và bảo trì đường bộ.

**Chương II
QUY HOẠCH, QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐƯỜNG BỘ**

Điều 3. Lập quy hoạch phát triển hệ thống giao thông đường bộ

1. Đối với quy hoạch phát triển hệ thống giao thông cấp tỉnh áp dụng theo mục 2, Điều 7, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Đối với quy hoạch phát triển hệ thống giao thông cấp huyện: Khi xây dựng và phê duyệt quy hoạch phải đảm bảo gắn kết với các hệ thống quy hoạch phát triển giao thông Quốc gia, cấp tỉnh, kết nối giao thông nông thôn với cấp xã và các quy hoạch khác có liên quan trên địa bàn và phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải trước khi phê duyệt.

Điều 4. Quản lý quy hoạch phát triển hệ thống giao thông đường bộ

1. Bố trí quỹ đất theo quy hoạch được duyệt dành cho giao thông đảm bảo phát triển đồng bộ, hiện đại, bền vững và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Thường xuyên theo dõi các yếu tố phát sinh, bất hợp lý hoặc chưa phù hợp của quy hoạch để điều chỉnh kịp thời;

3. Kịp thời công bố các chỉ giới quy hoạch và cấm mốc quy hoạch của các tuyến đường sau khi quy hoạch được phê duyệt, đồng thời tổ chức quản lý chặt chẽ việc sử dụng, khai thác quỹ đất trong quy hoạch phát triển đường bộ nhằm giảm thiểu kinh phí đầu tư;

4. Quản lý chặt chẽ công tác đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đường bộ theo đúng quy hoạch và phân kỳ đầu tư, ưu tiên xây dựng hệ thống đường trục chính và các vùng khó khăn;

5. Trên cơ sở quy hoạch phát triển hệ thống giao thông, tổ chức phân cấp hệ thống đường bộ để các cấp, các ngành quản lý nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, quản lý bảo trì và phù hợp với từng giai đoạn của quy hoạch.

Chương III **QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ**

Điều 5. Nội dung công tác quản lý đường bộ

1. Lưu trữ và quản lý theo quy định hồ sơ hoàn công công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

2. Lập hồ sơ quản lý công trình đường bộ:

a) Đối với cầu đường bộ: Hồ sơ quản lý bao gồm các văn bản pháp lý của công trình, hệ mốc cao độ, bình đồ, bản vẽ thiết kế, bản vẽ hoàn công cầu, số liệu các lỗ khoan thăm dò địa chất, hồ sơ về giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, phạm vi hành lang bảo vệ cầu, hồ sơ kiểm định; sổ lý lịch cầu, cập nhật đầy đủ các đợt kiểm tra, kiểm định và sửa chữa.

b) Đối với đường bộ: Hồ sơ lưu trữ bao gồm các văn bản pháp lý đến đầu tư xây dựng dự án, bản vẽ bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang, mặt cắt địa chất, bản vẽ các công trình thoát nước, công trình kè, ngầm, tràn; hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ bản giao cọc mốc lộ giới; bình đồ duỗi thẳng và cập nhật các biến động về tổ chức giao thông, sử dụng đất dành cho đường bộ; sổ tuần đường; cập nhật số liệu về đếm xe (lưu lượng, tải trọng xe); cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

3. Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ

a) Lập bình đồ duỗi thẳng, thể hiện chi tiết thực trạng nền, mặt đường, cầu, cống, ngầm, tràn, rãnh dọc, hệ thống ATGT, phạm vi đất dành cho đường bộ và hành lang an toàn đường bộ (có bổ sung, sửa đổi trong quá trình khai thác, sử dụng).

Hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ bao gồm tình trạng sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn đường bộ, an toàn giao thông; vi phạm, thời điểm vi phạm và quá trình xử lý vi phạm.

b) Cập nhật và quản lý hồ sơ các điểm đầu nối đường nhánh vào đường chính để theo dõi; có biện pháp xử lý, khắc phục các vi phạm liên quan đến đầu

nổi đường nhánh, hoặc làm việc với cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương có biện pháp xử lý nhằm đảm bảo an toàn giao thông.

c) Quản lý hồ sơ hoàn công các công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong hành lang an toàn đường bộ, giấy phép thi công và các văn bản liên quan khác.

d) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Điều 6: Nội dung bảo trì đường bộ

1. Công tác bảo trì đường bộ bao gồm: Bảo dưỡng thường xuyên; sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

2. Bảo dưỡng thường xuyên là công việc được thực hiện hàng ngày hoặc theo định kỳ hàng tuần hoặc hàng tháng hoặc hàng quý bao gồm hai phần việc chính:

a) Công tác duy tu không vật liệu: Như phát quang cây cối hai bên đường để đảm bảo tầm nhìn, khơi thông rãnh dọc, rãnh ngang, công trình cầu, cống; nắn sửa cọc tiêu, biển báo; trực điều tiết giao thông trong mùa mưa lũ; cập nhật các thay đổi của công trình đường và báo cáo theo định kỳ từng tháng hoặc đột xuất.

b) Công tác duy tu có vật liệu: Như vá ổ gà mặt đường, kê bù, láng nhựa mặt đường, đắp phụ lề đường với khối lượng nhỏ, khi mới xuất hiện hư hỏng; sơn, vôi hệ thống ATGT, công trình cầu, cống, nhằm duy trì tình trạng làm việc bình thường của đường bộ để bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt.

3. Công tác sửa chữa định kỳ là công tác sửa chữa hư hỏng đường bộ có khối lượng lớn, nằm ngoài khả năng của nguồn vốn duy tu, bảo trì đường bộ, hoặc một số khuyết tật của đường bộ xuất hiện trong quá trình khai thác, nhằm khôi phục tình trạng kỹ thuật ban đầu và cải thiện điều kiện khai thác của đường bộ. Công tác sửa chữa định kỳ được thực hiện theo thời hạn quy định và bao gồm sửa chữa vừa và sửa chữa lớn.

a) Thời hạn sửa chữa vừa và sửa chữa lớn đối với đường bộ được quy định theo loại kết cấu mặt đường và lưu lượng xe tính toán thiết kế mặt đường và được áp dụng thống nhất theo mục 3, Điều 6, Thông tư số 10/2010/TT-BGTVT. Cụ thể như bảng sau:

TT	Loại kết cấu mặt đường	Thời hạn sửa chữa vừa (năm)	Thời hạn sửa chữa lớn (năm)
1	Bê tông nhựa	4	12
2	Bê tông xi măng	8	24
3	Đá dăm trộn nhựa, đá dăm đen	3	9
4	Thảm nhập nhựa; láng nhựa 2, 3 lớp	3	6
5	Đá dăm tiêu chuẩn, cấp phối đá dăm	2	4
6	Cấp phối thiên nhiên	1	3

b) Thời hạn sửa chữa vừa và sửa chữa lớn đối với cầu đường bộ:

- Cầu tạm: Công tác sửa chữa định kỳ phải căn cứ kết quả kiểm tra định kỳ.

- Các cầu khác: Công tác sửa chữa định kỳ phải căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ, kết quả kiểm định cầu.

4. Công tác sửa chữa đột xuất là sửa chữa các sự cố hư hỏng đường bộ do thiên tai lụt, bão hoặc các sự cố bất thường khác gây ra. Đơn vị được giao trực tiếp quản lý đường bộ phải chủ động lập phương án, khẩn trương huy động mọi lực lượng về nhân lực, thiết bị, vật tư để tổ chức phân luồng, khắc phục đảm bảo giao thông và báo cáo nhanh về cơ quan cấp trên quản lý đường bộ để được hỗ trợ.

Sửa chữa đột xuất được chia làm hai bước như sau:

a) Bước 1: Thực hiện sửa chữa khôi phục đường bộ khẩn cấp, đảm bảo thông xe nhanh nhất và hạn chế thiệt hại công trình đường bộ; được thực hiện đồng thời vừa xử lý, vừa lập hồ sơ để hoàn thiện thủ tục làm cơ sở thanh quyết toán.

b) Bước 2: Xử lý tiếp theo, nhằm khôi phục đường bộ theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật như trước khi xảy ra sự cố hoặc bền vững hóa, kiên cố hóa công trình; được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định như đối với công trình xây dựng cơ bản.

Điều 7. Áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức công tác quản lý, bảo trì đường bộ

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất đường bộ: Áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức như quy định đối với công trình xây dựng cơ bản.

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

a) Áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên đường bộ hiện hành;

b) Áp dụng theo Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

c) Các định mức duy tu, bảo dưỡng thảm cỏ, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng, cọc cử và định mức tương tự khác không có ở các tập định mức nêu tại điểm b, khoản 2 Điều này, áp dụng các định mức tương ứng của ngành khác hoặc của địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 8. Quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ

1. Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm điều tra, khảo sát để xây dựng cơ sở dữ liệu về đường bộ trên các tuyến đường đang quản lý và báo cáo đúng định kỳ theo quy định gửi cho cơ quan quản lý đường bộ để phục vụ cho công tác bảo trì đường bộ và đầu tư xây dựng.

2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cả năm, cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo về cơ sở hạ tầng do mình quản lý lên cơ quan cấp trên.

Chương IV
BẢO VỆ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 9. Phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Phạm vi đất dành cho đường bộ gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

2. Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ (dưới đây gọi tắt phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ là phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ).

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của công trình đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ ra mỗi bên như sau:

- a) 03 mét đối với đường cao tốc, đường cấp I, cấp II;
- b) 02 mét đối với đường cấp III;
- c) 01 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

3. Phần đất bảo vệ, bảo trì công trình dùng để giữ vật tư sử dụng cho bảo trì, để di chuyển hoặc đặt các thiết bị thực hiện việc bảo trì, chống tràn chất bẩn từ mặt đường ra hai bên đường, chống xâm hại công trình đường bộ.

4. Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất của đường bộ và lập thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Đối với công trình đường bộ đang khai thác thì cơ quan quản lý đường bộ cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương phải xác định giới hạn và phải có kế hoạch hàng năm thu hồi đất của người sử dụng đất để giao đất quản lý theo quy định, ưu tiên giải quyết thu hồi đất với các đường bộ từ cấp III trở lên.

Điều 10. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Giới hạn hành lang an toàn đối với công trình đường bộ thực hiện theo Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP).

2. Giới hạn bảo vệ trên không của công trình đường bộ xây dựng mới: Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ đối với phần trên không thực hiện theo Điều 21 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

3. Khoảng cách các công trình đến công trình đường bộ được thực hiện theo Điều 22 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

4. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang: Đối với công trình cột ăng ten viễn thông, đường dây thông tin, đường dây tải điện: Tính

từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của cột và không được nhỏ hơn 05 mét.

5. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước: Do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quy định cụ thể đối với từng công trình để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn giao thông, toàn công trình và không ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo trì đường bộ.

Điều 11. Cấp Giấy phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Không được sử dụng đất dành cho đường bộ, hành lang an toàn giao thông làm nơi ở, hoạt động kinh doanh, xây dựng công trình làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác công trình và mất an toàn giao thông.

2. Các công trình thi công trong phạm vi đất dành cho đường bộ chỉ được tiến hành thi công khi có giấy phép thi công của cơ quan quản lý đường bộ cấp phép.

3. Điều kiện để cấp phép thi công các công trình thiết yếu trong phạm vi đất đường bộ, hành lang an toàn đường bộ gồm:

- Công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, công trình phục vụ quản lý khai thác đường bộ, công trình viễn thông, điện lực, đường ống cấp, thoát nước, xăng, dầu, khí.

- Cửa hàng xăng dầu, đường nhánh đầu nối vào đường chính.

4. Thẩm quyền thực hiện việc cấp phép thi công

a) Sở Giao thông vận tải thực hiện trên các tuyến đường tỉnh;

b) UBND cấp huyện thực hiện trên các tuyến đường huyện, đường đô thị trên địa bàn huyện, thành phố;

c) UBND cấp xã thực hiện trên các tuyến đường xã trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

5. Việc sử dụng phạm vi đất dành cho đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Điều 12. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh bao gồm các loại:

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị;

b) Đường chuyên dùng;

c) Đường nối đường gom.

2. Đường nhánh được đầu nối vào đường tỉnh phải thông qua điểm đầu nối thuộc Quy hoạch các điểm đầu nối đã được UBND cấp huyện phê duyệt, sau khi có văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải.

UBND cấp huyện có trách nhiệm thống kê các đường đã đầu nối và lập kế hoạch xử lý phù hợp với quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

3. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh:

a) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối cùng phía vào đường tỉnh của đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng và đường gom thực hiện như sau:

- Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): Khoảng cách giữa các điểm đầu nối xác định theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch đô thị phê duyệt.

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị: Đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 2.000m/điểm; đường cấp III trở xuống không nhỏ hơn 1.000m/điểm.

- Đối với các đoạn tuyến đường tỉnh đi qua khu vực có địa hình mà hành lang an toàn đường bộ bị chia cắt (như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác không thể đi dờn được) không nhỏ hơn 500m/điểm.

- Đối với các trường hợp khác, trường hợp đặc biệt phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải.

b) Vị trí đầu nối của đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu vào đường tỉnh vừa phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và nằm trong quy hoạch được phê duyệt.

4. Việc thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thực hiện theo quy định về thiết kế nút giao tại Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường ô tô.

5. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh đang khai thác: UBND cấp huyện căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch phát triển giao thông vận tải của địa phương để lập Quy hoạch các điểm đầu nối, thỏa thuận với Sở Giao thông Vận tải và phê duyệt quy hoạch để triển khai thực hiện.

6. Chủ đầu tư công trình được giao sử dụng điểm đầu nối thuộc Quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông Vận tải xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường tỉnh để cấp phép thi công theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Quyết định này.

7. Trường hợp cần thiết, có thể xem xét cho phép đầu nối tạm có thời hạn để vận chuyển vật tư, thiết bị và thi công các dự án: Chủ công trình, dự án phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông Vận tải xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường tỉnh.

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Sở Giao thông Vận tải:

a) Trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo trì đối với hệ thống đường tỉnh;

c) Hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND huyện quản lý và các nội dung quy định tại Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 23/11/2011 của UBND tỉnh về Quy chế quản lý nhà nước trong duy tu, bảo trì đường giao thông nông thôn tỉnh Hà Tĩnh;

d) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ;

đ) Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường tỉnh;

e) Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường tỉnh, Quốc lộ ủy thác; tổ chức ứng cứu các công trình trọng điểm, công trình giao thông trên địa bàn khi có lệnh của Ban phòng chống lụt bão tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh;

f) Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý;

g) Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ và vệ sinh môi trường trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh;

h) Xây dựng kế hoạch vốn phục vụ công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo UBND tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định. Sở Giao thông Vận tải thực hiện việc phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí.

2. UBND cấp huyện:

a) Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý; quản lý, lập quy hoạch đầu nối các tuyến đường trên địa bàn cấp huyện vào đường tỉnh trình Sở Giao thông Vận tải thỏa thuận và phê duyệt;

b) Bố trí ngân sách hàng năm vào đầu năm để thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo định mức quản lý và bảo dưỡng thường xuyên do UBND tỉnh ban hành;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

d) Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ;

đ) Phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông Vận tải, đơn vị quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn;

e) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải toả hành lang an toàn đường bộ;

g) Huy động lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa;

h) Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng (Phòng Quản lý đô thị) tham mưu việc cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo đúng quy định hiện hành;

i) Tổ chức triển khai công tác quản lý bảo trì hệ thống đường bộ cấp huyện theo đúng nội dung quy định tại Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 23/11/2011 của UBND tỉnh về Quy chế quản lý nhà nước trong duy tu, bảo dưỡng và bảo trì đường giao thông nông thôn.

3. UBND cấp xã:

a) Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý;

b) Bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã;

c) Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ;

d) Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ và hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép. Thực hiện việc cấp phép thi công trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý;

đ) Huy động lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa;

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và cấp

Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị;

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp bảo đảm an toàn công trình đường bộ; hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, sử dụng đất hành lang giao thông theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại và sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và an toàn giao thông.

6. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn định mức biên chế và phối hợp với Sở Giao thông Vận tải trong việc quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng, ban cấp huyện, xã để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ.

7. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải bố trí nguồn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ;

b) Kiểm tra việc sử dụng Ngân sách Nhà nước cho việc quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với đường tỉnh và nguồn hỗ trợ đối với đường giao thông nông thôn bảo đảm sử dụng đúng mục đích;

c) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải tổ chức thu, quản lý và phân bổ nguồn kinh phí Quỹ bảo trì đường bộ theo đúng các quy định của pháp luật.

8. Công an tỉnh:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng trong ngành kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền;

b) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải lập phương án phối hợp bảo vệ các công trình đường bộ, đặc biệt trong công tác xử lý các lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ;

d) Chỉ đạo các Đơn vị cơ sở tham mưu cho UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và thực hiện quy trình cưỡng chế việc lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang đường bộ và xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, xử lý việc vi phạm và hỗ trợ lực lượng trong thời gian thực hiện cưỡng chế.

9. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải tổ chức bảo vệ công trình quốc phòng kết hợp với công trình đường bộ.

10. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

11. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các công trình liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

12. Các chủ đầu tư khi lập quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình có liên quan đến hành lang an toàn đường bộ thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền. Cơ quan quản lý đường bộ phải xem xét và trả lời bằng văn bản trong vòng 10 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ thủ tục theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ

1. Thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên; duy trì tình trạng kỹ thuật cầu đường, bảo đảm giao thông thông suốt và phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường quản lý.

2. Kịp thời báo cáo và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương VI

NGUỒN VỐN VÀ VIỆC THANH, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ QUẢN LÝ, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 16. Nguồn vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ

1. Đối với đường tỉnh được bố trí từ nguồn vốn của Ngân sách tỉnh, nguồn quỹ bảo trì đường bộ và nguồn vốn khác.

2. Đối với đường đô thị được bố trí từ nguồn vốn của Ngân sách thành phố, thị xã, Quỹ bảo trì đường bộ và nguồn vốn khác.

3. Đối với các tuyến đường huyện, đường cấp xã được bố trí từ nguồn vốn của Ngân sách huyện, Ngân sách cấp xã và huy động các nguồn lực của địa phương, Quỹ bảo trì đường bộ và nguồn hỗ trợ của Ngân sách tỉnh.

4. Vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ đối với đường chuyên dùng do chủ công trình tự bố trí.

Điều 17. Thanh toán, quyết toán

1. Việc thanh toán, quyết toán nguồn vốn quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Liên Bộ Giao thông vận tải - Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế về quản lý, bảo trì đường bộ.

2. Các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải toả hành lang an toàn đường bộ có trách nhiệm quản lý, quyết toán đúng theo chế độ tài chính hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông Vận tải để nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi phù hợp/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

